

Số: 63/QĐ-SKH-CN
TRUNG TÂM TIN HỌC & THÔNG TIN KHCN QUẢNG BÌNH

CÔNG VĂN ĐẾN
Số: A.7.8.....
Ngày 23 tháng 8 năm 2011

Quảng Bình, ngày 23 tháng 8 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành "Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ"
để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh

- LB TT

- Các phòng

- Tin học cập nhật Web

- Lưu VT

ck

GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Quyết định số 22/2009/QĐ-UBND ngày 28/9/2009 của UBND tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 04/2011/QĐ-UBND ngày 09/05/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình về việc ban hành Quy định một số nội dung về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 293/QĐ-BKH-CN ngày 27 tháng 02 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành "Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ";

Theo đề nghị của Chánh văn phòng Sở,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ" để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng, Trưởng các phòng, đơn vị thuộc Sở, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị;
- Lưu VT, VP.



Nguyễn Đức Lý

HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ

Số:/HĐ-KHCN

Quảng Bình, ngày tháng năm 2011

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 9 tháng 6 năm 2000;

Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật khoa học và công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 293/QĐ-BKHCN ngày 27 tháng 02 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành "Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ";

Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2008 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định về quản lý thực hiện đề tài, dự án khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 200... của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục đề tài, dự án khoa học công nghệ cấp tỉnh;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng năm 200... của UBND tỉnh về việc phê duyệt tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án khoa học và công nghệ năm 200

Căn cứ...

Theo Biên bản xét duyệt dự toán kinh phí thực hiện đề tài, dự án, mô hình, nhiệm vụ (gọi tắt là đề tài) ngày ... tháng ... năm 200.....;

CHÚNG TÔI GỒM :

1. Bên giao (Bên A) là: Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Bình

Do Ông/Bà: - Chức vụ: (Phó) Giám đốc Sở, làm đại diện

Địa chỉ: 17A - Quang Trung - T.P. Đồng Hới - tỉnh Quảng Bình

Điện thoại: 052.3822589 - 052.3822153 - Fax: 052.822808

Số tài khoản: 311 010 000004

Tại: Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Bình

2. Bên nhận (Bên B) là:

a. Cơ quan chủ trì thực hiện Đề tài:

Do Ông/Bà:- chức vụ:, làm đại diện

Địa chỉ:

Điện thoại:- Fax:

Số tài khoản:

Tại:

b. Chủ nhiệm Đề tài:

Ông/Bà: (học hàm, học vị)

Địa chỉ:

Điện thoại:- Fax:

Cùng thoả thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với các điều khoản sau:

Điều 1. Giao và nhận thực hiện Đề tài

1. Bên A giao cho Bên B thực hiện Đề tài: “.....”

theo các nội dung trong Thuyết minh Đề tài đã được phê duyệt.

Thuyết minh Đề tài đã được phê duyệt, Biên bản xét duyệt dự toán kinh phí thực hiện đề tài và các phụ lục đính kèm là bộ phận của hợp đồng.

- Thời gian thực hiện Hợp đồng là tháng, từ tháng..... năm 200.....đến tháng ... năm 200.....(bao gồm thời gian thực hiện đề tài và thời gian đánh giá, nghiệm thu 90 ngày đối với đề tài, 45 ngày đối với dự án, mô hình, nhiệm vụ)

Kinh phí để thực hiện Đề tài là:

Bằng chữ:

Kinh phí được cấp theo các tiến độ sau:

Năm 20... : đồng, trong đó:

Đợt 1: đồng

Đợt 2:..... đồng

Năm 20... : đồng, trong đó:

Đợt 1: đồng

Đợt 2:..... đồng

Đợt 3:..... đồng

2. Bên B nhận thực hiện Đề tài trên theo đúng nội dung yêu cầu được quy định trong Hợp đồng này.

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của các bên

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

a. Tổ chức duyệt (mới, bổ sung, điều chỉnh) Thuyết minh Đề tài, kiểm tra tình hình Bên B thực hiện Đề tài định kỳ và đột xuất theo các nội dung kèm theo Hợp đồng này.

b. Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện Đề tài của Bên B theo các nội dung, yêu cầu, chỉ tiêu trong Thuyết minh Đề tài và các phụ lục kèm theo Hợp đồng; thanh lý Hợp đồng theo quy định hiện hành.

c. Cấp cho Bên B số kinh phí quy định tại khoản 1 Điều 1 theo tiến độ kế hoạch, tương ứng các nội dung nghiên cứu được xây dựng.

d. Trước mỗi đợt cấp kinh phí, trên cơ sở báo cáo tình hình thực hiện Đề tài của Bên B, Bên A xem xét và xác nhận khối lượng công việc đạt được phù hợp với kinh phí đã sử dụng theo đúng nội dung và tiến độ thực hiện nêu trong Thuyết minh Đề tài và các Phụ lục kèm theo của Hợp đồng. Bên A có quyền kiến nghị thay đổi tiến độ cấp hoặc ngừng cấp kinh phí nếu Bên B không hoàn thành công việc đúng nội dung và tiến độ.

e. Tham gia ý kiến với Bên B về kế hoạch đấu thầu, mua sắm tài sản, thiết bị của Đề tài bằng kinh phí do Bên A cấp (nếu có) để trình cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

f. Kịp thời xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết kiến nghị, đề xuất của Bên B về điều chỉnh nội dung chuyên môn, kinh phí, tiến độ thực hiện và các vấn đề phát sinh khác trong Hợp đồng.

g. Đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng trong trường hợp Bên B vi phạm một trong các điều kiện:

- Không đảm bảo các điều kiện cần thiết trong Thuyết minh Đề tài và các phụ lục của Hợp đồng để thực hiện Hợp đồng, dẫn đến Đề tài không có khả năng hoàn thành;

- Không đủ khả năng thực hiện Hợp đồng;

- Thực hiện không đúng nội dung nghiên cứu trong Thuyết minh Đề tài và các phụ lục của Hợp đồng dẫn đến kết quả của Đề tài có thể không đáp ứng được mục tiêu, nội dung đã được phê duyệt;

- Sử dụng kinh phí không đúng mục đích.

h. Phối hợp cùng Bên B quản lý tài sản được mua sắm bằng kinh phí do Bên A cấp hoặc được tạo ra từ kết quả nghiên cứu của Đề tài.

i. Theo quyết định của sở Khoa học và Công nghệ thực hiện việc uỷ quyền cho Bên B tiến hành đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả của Đề tài (nếu có) theo quy định hiện hành.

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

a. Đứng tên trong Đề tài và hưởng lợi ích thu được (nếu có) do việc khai thác thương mại các kết quả của Đề tài theo quy định hiện hành.

b. Tổ chức triển khai đầy đủ các nội dung nghiên cứu của Đề tài đáp ứng các yêu cầu chất lượng, khối lượng, tiến độ và chỉ tiêu trong Thuyết minh Đề tài và các phụ lục kèm theo Hợp đồng.

c. Kiến nghị, đề xuất điều chỉnh các nội dung chuyên môn, kinh phí và tiến độ thực hiện trong Hợp đồng khi cần thiết. Đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng khi Bên A vi phạm một trong các điều kiện mà vi phạm đó đã dẫn đến việc Đề tài không thể tiếp tục thực hiện được: không cấp đủ kinh phí thực hiện Đề tài mà không có lý do chính đáng; không kịp thời giải quyết những kiến nghị, đề xuất của Bên B.

d. Lập dự toán kinh phí và tổ chức triển khai đầy đủ các nội dung nghiên cứu của Đề tài đáp ứng các yêu cầu về chất lượng, khối lượng, tiến độ và chỉ tiêu trong Thuyết minh Đề tài và các phụ lục kèm theo Hợp đồng.

e. Xây dựng kế hoạch đấu thầu, mua sắm tài sản, thiết bị của Đề tài bằng kinh phí do Bên A cấp (nếu có) đúng chế độ mua sắm tài sản theo quy định hiện hành.

f. Chấp hành các quy định pháp luật và những yêu cầu của cơ quan quản lý trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý trong việc giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với Đề tài theo quy định.

g. Huy động đủ các nguồn vốn như đã cam kết để thực hiện đề tài; sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ, có hiệu quả và báo cáo quyết toán kinh phí theo đúng quy định.

h. Lập hồ sơ theo dõi quá trình thực hiện Đề tài, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện Đề tài, báo cáo quyết toán kinh phí theo đúng chế độ hiện hành trước khi nhận kinh phí của đợt tiếp theo.

i. Thực hiện việc đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở theo quy định hiện hành khi kết thúc Đề tài và trước 90 ngày tính từ thời hạn kết thúc hợp đồng. Sau khi đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở, Bên B có trách nhiệm hoàn chỉnh báo cáo khoa học, kết quả nghiên cứu và các hồ sơ, tài liệu, sản phẩm kèm theo và chuyển cho Bên A xem xét thẩm định trước lúc tổ chức đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh theo quy định hiện hành. Việc báo cáo kết quả khoa học công nghệ, đánh giá nghiệm thu, công nhận, thanh lý hợp đồng được thực hiện theo Quyết định số 50/QĐ-SKHHCN ngày 03 tháng 8 năm 2011 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

k. Có trách nhiệm cùng Bên A tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định.

l. Có trách nhiệm quản lý tài sản được mua sắm bằng kinh phí do Bên A cấp hoặc được tạo ra từ kết quả nghiên cứu của Đề tài, cho tới khi có quyết định xử lý các tài sản đó của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

m. Thực hiện việc giao nộp kết quả Đề tài tại Sở Khoa học và Công nghệ trong thời hạn 15 ngày kể từ khi có kết quả đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh theo đúng quy định. Những tài liệu, sản phẩm khoa học và công nghệ do Đề tài tạo ra thuộc quyền sở hữu của Sở Khoa học và Công nghệ.

Danh mục tài liệu và sản phẩm khoa học và công nghệ chủ yếu giao nộp,
bao gồm:

STT	Tên tài liệu và sản phẩm KH&CN	Số lượng	Yêu cầu khoa học
1	Báo cáo tổng hợp kết quả khoa học công nghệ đề tài	06 bản	Theo mẫu, bìa cứng
2	Đĩa CD chứa Báo cáo tổng hợp kết quả khoa học công nghệ đề tài	06 đĩa	Không sử dụng mật mã
3	Báo cáo tóm tắt kết quả khoa học công nghệ đề tài	06 bản	Theo mẫu, bìa mềm
4	Báo cáo thống kê kết quả thực hiện đề tài	06 bản	Theo mẫu, bìa mềm
5	Báo cáo hoàn thiện Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh	06 bản	Theo quy định
6			
7			
8			
9	Bài báo (tối thiểu)	01 bài	Đăng trên tạp chí Thông tin KH&CN Quảng Bình

n. Thực hiện việc đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo uỷ quyền của Bên A đối với kết quả nghiên cứu. Công bố, sử dụng, chuyển giao kết quả nghiên cứu theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

o. Nộp vào ngân sách Nhà nước số kinh phí thu hồi do bán sản phẩm đề tài, thanh lý tài sản, thiết bị của Đề tài theo quy định hiện hành của Nhà nước (nếu có).

Điều 3. Xử lý tài chính khi chấm dứt Hợp đồng

Khi chấm dứt Hợp đồng, việc xử lý về tài chính được thực hiện như sau:

1. Đối với Đề tài đã kết thúc:

a. Khi Đề tài đã kết thúc và đánh giá nghiệm thu **đạt yêu cầu** thì hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo quy định hiện hành.

b. Khi Đề tài đã kết thúc, nhưng kết quả đánh giá, nghiệm thu **không đạt yêu cầu** thì Bên A xem xét quyết toán kinh phí cho Bên B theo quy định hiện hành trên cơ sở kết luận về trách nhiệm và xác định những nội dung công việc Bên B đã thực hiện của Hội đồng đánh giá nghiệm thu hoặc theo đánh giá của tổ chuyên gia do Bên A thành lập.

2. Đối với Đề tài không hoàn thành:

a. Trường hợp Đề tài không hoàn thành do một trong các đại diện của Bên B không còn mà hai bên không thống nhất được đại diện khác thay thế thì đại diện còn lại của Bên B có trách nhiệm hoàn lại cho Bên A số kinh phí đã cấp nhưng chưa sử dụng. Đối với phần kinh phí đã cấp và đã sử dụng thì hai bên cùng phối hợp xác định khối lượng công việc đã triển khai phù hợp với kinh phí đã sử dụng để làm căn cứ quyết toán theo quy định hiện hành về quản lý tài chính.

b. Trường hợp Đề tài không hoàn thành do một bên đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng:

- Nếu Bên A đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng do lỗi của Bên B thì Bên B phải bồi thường 100% kinh phí Bên A đã cấp để thực hiện Đề tài

- Nếu Bên A đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng không do lỗi của Bên B thì Bên B không phải bồi thường số kinh phí đã sử dụng để thực hiện Đề tài, nhưng vẫn phải thực hiện việc quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật.

- Nếu Bên B đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng do lỗi của Bên A thì Bên B không phải bồi thường số kinh phí đã sử dụng để thực hiện Đề tài, nhưng vẫn phải thực hiện việc quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật.

- Nếu Bên B đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng không do lỗi của Bên A thì Bên B phải bồi thường 100% kinh phí Bên A đã cấp để thực hiện Đề tài.

c. Trường hợp có căn cứ để khẳng định không còn nhu cầu thực hiện Đề tài:

- Nếu hai bên thống nhất chấm dứt Hợp đồng thì cùng nhau xác định khối lượng công việc Bên B đã thực hiện để làm căn cứ thanh toán số kinh phí Bên B đã sử dụng để thực hiện Đề tài.

- Nếu hai bên thoả thuận ký Hợp đồng mới để thay thế và kết quả nghiên cứu của Hợp đồng cũ là một bộ phận cấu thành kết quả nghiên cứu của Hợp đồng mới thì số kinh phí đã cấp cho Hợp đồng cũ được tính vào kinh phí cấp cho Hợp đồng mới và tiếp tục thực hiện với Hợp đồng mới.

d. Quy định về xử lý Đề tài không hoàn thành, xử lý vi phạm hợp đồng thực hiện Thông tư liên tịch số 93/2006/TTLT/BTC-BKHHCN ngày 04 tháng 10 năm 2006, Thông tư liên tịch số 22/2011/TTLT-BTC-BKHHCN ngày 21 tháng 02 năm 2011 và các quy định hiện hành khác của Nhà nước.

Điều 4. Điều khoản chung

1. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu một trong hai bên có yêu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung hoặc có căn cứ để chấm dứt thực hiện Hợp đồng thì phải thông báo cho bên kia ít nhất là 15 ngày (mười lăm ngày) trước khi tiến hành sửa đổi, bổ sung hoặc chấm dứt thực hiện Hợp đồng, để cùng xác định trách nhiệm của mỗi bên và hình thức xử lý. Các sửa đổi, bổ sung (nếu có) phải lập

thành văn bản có đầy đủ chữ ký của các bên và được coi là bộ phận của Hợp đồng và là căn cứ để nghiệm thu kết quả của Đề tài.

2. Trong trường hợp do sự kiện bất khả kháng khiến một trong hai bên không thể thực hiện tiếp hoặc thực hiện không đúng nội dung Hợp đồng, hai bên có trách nhiệm phối hợp xác định nguyên nhân và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Hai bên cam kết thực hiện đúng các quy định của Hợp đồng và có trách nhiệm hợp tác giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện. Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng do các bên thương lượng hoà giải để giải quyết. Trường hợp không hoà giải được thì giải quyết theo quy định pháp luật hiện hành.

4. Hai bên có trách nhiệm bảo mật các kết quả nghiên cứu, sản phẩm khoa học và công nghệ theo quy định hiện hành.

Điều 5. Hiệu lực của Hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký, được lập thành 6 bản, Bên A giữ 04 bản, Bên B giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN B

CƠ QUAN CHỦ TRÌ CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI

ĐẠI DIỆN BÊN A